TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 29/3/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nghịch

2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa*:** Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Y T, sinh năm: 1969. Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên; Con ông Y M, sinh năm 1947 và con bà H l, sinh năm 1952. Gia đình bị cáo có 11 anh, em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ H L1, sinh năm 1972 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1992 và con nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Pắc từ ngày 22/12/2018, đến ngày 21/01/2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh- Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ông Trần Quang H, sinh năm: 1968 – Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ quen biết nên Y T biết ông Trần Quang H, trú tại thôn 7, xã H, huyện K đang có nhu cầu xin việc làm cho con trai là Trần Quang V. Nên ngày 04/8/2012, Y T đến nhà ông H nói quen nhiều người đang giữ chức vụ cao trong cơ quan nhà nước, để xin việc cho V vào làm việc tại Phòng tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông với số tiền 30.000.000 đồng, ông H đồng ý và đưa trước cho Y T 20.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau Y T tới cầm hồ sơ xin việc của V và lấy tiếp của ông H 10.000.000 đồng, nói với ông H sẽ xin việc cho V vào Phòng nội vụ huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Khi nhận tiền Y T không tiến hành xin việc cho anh V mà chiếm đoạt số tiền trên. Sau đó, V không có việc làm thì ông H nhiều lần đòi lại tiền nhưng không được. Ngày 20/6/2018, Y T trả lại cho ông H 5.000.000 đồng. Ngày 17/9/2018, ông H làm đơn tố cáo Y T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền. Ngày 19/11/2018, Y T trả cho ông H 20.000.000 đồng. Ngày 12/12/2018, Y T trả cho ông H 5.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 991/PC09 ngày 15/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Y T trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Y T trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, bị cáo Y T đã khai nhận hành vi phạm tôi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Cáo trạng số: 22/CT-VKS-HS, ngày 04 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Y T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Krông Pắc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Để tuyên bố bị cáo Y T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử phạt bị cáo mức án từ 09 (chín) tháng đến 01(một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã hoàn trả 30.000.000 đồng cho ông Trần Quang H, Tại phiên toà ông Trần Quang H, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Trần Quang H, nên đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận bồi thường trên.

Tại phiên toà bị cáo Y T không tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo ngoài xã hội.

Bị hại không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, để tự cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Krông Pắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Y T tại phiên toà hôm nay, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Vào năm 2012, biết ông Trần Quang H đang có nhu cầu xin việc cho con trai là Trần Quang V, nên Y T đã dùng thủ đoạn gian dối với phương thức xin việc làm, đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Quang H với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng quy định pháp luật.

Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"

Xét tính chất vụ án do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân

trong cuộc sống, bị cáo biết được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Quang H. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, do đó phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo bị cáo, để giáo dục riêng, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại số tiền chiếm đoạt cho người bị hại và tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt theo yêu cầu của bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc thiểu số, người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo, để tự cải tạo ngoài xã hội, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, nên HĐXX áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999 cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng để răn đe bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã trả lại cho bị hại ông Trần Quang H số tiền chiếm đoạt là 30.000.000 đồng.

Tại phiên toà bị hại ông Trần Quang H yêu cầu bị cáo Y T, bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 15.000.000 đồng.

Bị cáo Y T đồng ý bồi thường 15.000.000 đồng, theo yêu cầu của bị hại ông Trần Quang H, xét thấy sự thoả thuận bồi thường trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên, HĐXX cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Y T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề

nghị mức hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. HĐXX xét thấy phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Y T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Y T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/3/2019. (bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 22/12/2018, đến ngày 21/01/2019).

Giao bị cáo Y T cho chính quyền xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sư: Ghi nhận việc bị cáo đã trả lại cho bị hại ông Trần Quang H số tiền chiếm đoạt là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Công nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường.

Bị cáo Y T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt cho ông Trần Quang H với số tiền là 15.000.000 đồng *(mười lăm triệu đồng)*.

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015"

Về án phí: Buộc bị cáo Y T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *Công an huyện Krông Pắc;*
- *THADS huyện K;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, VP*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Chu Anh Hùng